

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2023

V/v kiện xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Tùng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngu

2. Bà Đỗ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tồn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2022/TLST - HNGĐ, ngày 06/6/2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã P1, huyện G, thành phố H.

Bị đơn: Anh Ninh Văn Q, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: xóm T1, xã T2, huyện P, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh Ninh Văn Q ngày 06/4/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện P, tỉnh T. Trước khi kết hôn hai anh chị được tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, khi kết hôn có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, hai anh chị về chung sống với nhau ở nhà bố mẹ đẻ chị N ở thôn Đ, xã P1, huyện G, thành phố H. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2018 thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh do anh Q đi làm việc ở Bắc Ninh không có trách nhiệm, không quan tâm tới vợ con.

Năm 2021 vợ chồng quay về sống cùng nhau nhưng anh Q vẫn không chịu thay đổi, vợ chồng thường xuyên to tiếng với nhau, có khi xảy ra xô xát. Hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Chị N xác định đã hết tình cảm với anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị N và anh Q có 01 con chung là Ninh Tú U, sinh ngày 09/10/2013, hiện con chung đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2 đối với anh Ninh Văn Q nhưng anh Q không có mặt tại Tòa án để làm việc, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản làm việc với ông Ninh Tiến T5, bố đẻ của anh Q xác định: Anh Ninh Văn Q hiện cùng đăng ký hộ khẩu thường trú với gia đình ông ở xóm T1, xã T2, huyện P, tỉnh T. Năm 2013, gia đình có tổ chức lễ cưới cho anh Q và chị N theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, hai anh chị ở chung với gia đình ông một thời gian ngắn sau đó về nhà bố mẹ đẻ của chị N ở, thỉnh thoảng vợ chồng đưa con về thăm nhà. Đến đầu năm 2022, anh Q về nhà ở hẳn, còn chị N và con vẫn ở dưới Hà Nội. Ông có hỏi lý do thì được biết hai anh chị có mâu thuẫn. Ông có gọi hai anh chị về nói chuyện và khuyên nhủ nhiều lần nhưng chuyện tình cảm của hai anh chị không có tiến triển. Đến nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình ông không có ý kiến gì.

Do các đương sự chưa thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, chị Đinh Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N xin ly hôn anh Ninh Văn Q.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N được ly hôn anh Ninh Văn Q

Về con chung: Giao con chung là Ninh Tú U, sinh ngày 09/10/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q vì chị N không yêu cầu, anh Q được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét giải quyết;

Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn giữa nguyên đơn là chị Đinh Thị N và bị đơn là anh Ninh Văn Q (anh Q có địa chỉ tại xóm T1, xã T2, huyện P, tỉnh T). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; thông báo hoãn phiên tòa cho anh Ninh Văn Q theo quy định tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Ninh Văn Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Ninh Văn Q kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện P, tỉnh T năm 2013, như vậy hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp. Hai anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh và từ tháng 01/2022 thì trở nên trầm trọng tình cảm vợ chồng xa cách và không còn quan tâm đến nhau nữa. Thực tế hai anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2022 đến nay.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị N và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Q có 01 con chung là Ninh Tú U, sinh ngày 09/10/2013. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy con chung có đơn trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ, chị N có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của con chung, nên cần giao con chung là Ninh Tú U cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N xin ly hôn anh Ninh Văn Q

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N được ly hôn anh Ninh Văn Q .

2. Về con chung: Giao con chung là Ninh Tú U, sinh ngày 09/10/2013 cho chị Đinh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh Ninh Văn Q do chị N không yêu cầu. Anh Q được quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Án phí: Chị Đinh Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003382 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- UBND xã T2;
- Các đương sự;
- Q: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thanh Tùng

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Tùng

